**Phụ lục**

**VỀ TIÊU CHÍ VÀ ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH ĐỒNG NAI** *(Kèm theo Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND*

*ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **STT** | **TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT** | **ĐIỂM SỐ XÉT DUYỆT** |
| Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí | | 100 |
| **I** | **Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng** | 44 |
| 1 | Công chứng viên | 39 |
| 1.1 | Số lượng công chứng viên | 18 |
| - | Mỗi công chứng viên là thành viên hợp danh có văn bản cam kết thời gian hành nghề từ đủ 12 tháng trở lên kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động lần đầu. | 6 điểm/người  (tối đa 12 điểm) |
| - | Mỗi công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng có văn bản cam kết thời gian hành nghề từ đủ 06 tháng trở lên kể từ ngày được cấp Giấy đăng ký hoạt động lần đầu | 3 điểm/người  (Tối đa 6 điểm) |
| 1.2 | Kinh nghiệm của công chứng viên | 19 |
| - | Công chứng viên hợp danh đã có thời gian hành nghề công chứng tại các tổ chức hành nghề công chứng sau khi bổ nhiệm công chứng viên | 9 |
| + Dưới 02 năm | 3 |
| + Từ đủ 02 năm đến dưới 05 năm | 6 |
| + Từ đủ 05 năm trở lên | 9 |
| - | Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng có thời gian làm Trưởng Văn phòng công chứng hoặc Trưởng phòng công chứng | 10 |
| + Dưới 05 năm | 1 |
| + Từ đủ 05 năm đến dưới 07 năm | 5 |
| + Từ đủ 07 năm trở lên | 10 |
| 1.3 | Công chứng viên dự kiến là Trưởng Văn phòng công chứng có bằng cấp hoặc giấy tờ chứng minh đã qua lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về quản trị | 2 |
| 2 | Nhân sự phụ trách kế toán | 3 |
| - | Có bằng Cao đẳng trở lên chuyên ngành kế toán | 1 |
| - | Có thời gian làm công tác kế toán từ đủ 05 năm trở lên | 2 |
| 3 | Nhân sự phụ trách công nghệ thông tin | 2 |
| - | Có bằng Cao đẳng trở lên thuộc nhóm ngành công nghệ thông tin | 1 |
| - | Có thời gian làm công tác công nghệ thông tin từ đủ 5 năm trở lên | 1 |
| **II** | **Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng** | 36 |
| 1 | Vị trí đặt trụ sở | 10 |
| - | Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 01 đến 03 tổ chức hành nghề công chứng | 10 |
| - | Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 04 đến 06 tổ chức hành nghề công chứng | 7 |
| - | Đặt tại địa bàn cấp huyện đã có từ 07 tổ chức hành nghề công chứng trở lên | 3 |
| 2 | Có khoảng cách so với các tổ chức hành nghề công chứng đang hoạt động | 10 |
| - | Từ đủ 5 km đến dưới 7 km | 3 |
| - | Từ đủ 7 km đến dưới 10 km | 7 |
| - | Từ đủ 10 km trở lên | 10 |
| 3 | Diện tích trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng | 10 |
| - | Từ đủ 150 m2 đến dưới 200 m2 | 5 |
| - | Từ đủ 200 m2 đến trên 200 m2 | 10 |
| 4 | Tổ chức bố trí trụ sở Văn phòng công chứng | 2 |
|  | Có bản vẽ kỹ thuật và sơ đồ bố trí mặt bằng trụ sở. Trong đó từng khu vực, vị trí làm việc phải đảm bảo diện tích tối thiểu theo quy định:  - Diện tích phòng làm việc của Trưởng Văn phòng công chứng từ đủ 12 m2 trở lên  - Diện tích phòng làm việc của công chứng viên và người lao động từ đủ 10 m2/người trở lên  - Diện tích sử dụng cho hoạt động tiếp nhận và trả hồ sơ yêu cầu công chứng tối thiểu 30 m2  - Kho lưu trữ hồ sơ công chứng có diện tích từ đủ 30 m2 trở lên  - Có khu vệ sinh cho người yêu cầu công chứng | 2 |
| 5 | Tổ chức, bố trí địa điểm giữ xe | 2 |
| - | Diện tích giữ xe từ đủ 30 m2 đến dưới 50 m2 | 1 |
| - | Diện tích giữ xe từ đủ 50 m2 trở lên | 2 |
| - | Trường hợp Văn phòng công chứng không có diện tích dành cho việc giữ xe trong trụ sở nhưng có bố trí địa điểm giữ xe (thuê, mượn chỗ giữ xe, sử dụng bãi đổ xe công cộng) trong phạm vi khoảng cách 100 m tính từ trụ sở Văn phòng công chứng thì được tính 50% so với số điểm của diện tích tương ứng | Tối đa 2 điểm |
| 6 | Tính pháp lý, ổn định của trụ sở Văn phòng công chứng | 2 |
| - | Trụ sở Văn phòng công chứng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 03 năm đến dưới 05 năm, kèm theo văn bản cam đoan của các công chứng viên hợp danh về việc bảo đảm duy trì trụ sở hoạt động của Văn phòng công chứng theo đúng thời gian thuê, mượn được ghi trong hợp đồng | 1 |
| - | Trụ sở Văn phòng công chứng có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất thuộc quyền sở hữu của một trong các công chứng viên hợp danh đề nghị thành lập Văn phòng công chứng hoặc có hợp đồng thuê, mượn từ đủ 05 năm trở lên, kèm theo văn bản cam đoan của các công chứng viên hợp danh về việc bảo đảm duy trì trụ sở hoạt động của Văn phòng công chứng từ đủ 60 tháng trở lên | 2 |
| **III** | **Nhóm tiêu chí về sự cần thiết và tính khả thi của Đề án** | 20 |
| 1 | Đánh giá được sự cần thiết thành lập Văn phòng công chứng (gắn với nhu cầu công chứng, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội tại địa bàn cấp huyện nơi đặt trụ sở Văn phòng công chứng, có số liệu cụ thể để chứng minh) | 12 |
| 2 | Về quy trình nghiệp vụ và lưu trữ | 8 |
| - | Xây dựng quy trình nghiệp vụ công chứng chặt chẽ, đúng quy định pháp luật | 4 |
| - | Xây dựng quy trình lưu trữ khoa học, đúng quy định pháp luật | 2 |
| - | Xác định được thời gian, tiến độ, biện pháp bảo đảm thực hiện đầy đủ nội dung được quy định tại Phụ lục này | 2 |